

Số: **315/QĐ-BTC**

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Dự trữ Nhà nước khu vực trực thuộc Tổng cục Dự trữ Nhà nước

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 36/2019/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Dự trữ Nhà nước thuộc Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Cục Dự trữ Nhà nước khu vực là tổ chức trực thuộc Tổng cục Dự trữ Nhà nước, thực hiện chức năng trực tiếp quản lý hàng dự trữ quốc gia và quản lý nhà nước về dự trữ quốc gia trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

2. Cục Dự trữ Nhà nước khu vực có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước quyết định:

a) Quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, 05 năm và hàng năm về dự trữ quốc gia trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý;

b) Chương trình, kế hoạch, dự án, đề án triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao;

c) Kế hoạch dự trữ quốc gia trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý và dự toán ngân sách hàng năm của đơn vị.

2. Tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án, dự toán ngân sách sau khi được ban hành hoặc phê duyệt.

3. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật dự trữ quốc gia đối với các cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý hàng dự trữ quốc gia, các tổ chức, cá nhân sử dụng hàng dự trữ quốc gia trên địa bàn quản lý thuộc thẩm quyền của mình hoặc theo yêu cầu của Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước; xử lý theo thẩm quyền hoặc trình Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật; thanh tra, kiểm tra việc chấp hành nhiệm vụ được giao đối với các đơn vị trực thuộc; giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện việc mua, bán, nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia theo kế hoạch được giao hoặc quyết định của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; xây dựng phương án giá mua, giá bán hàng dự trữ quốc gia theo quy định.

5. Thực hiện xuất hàng dự trữ quốc gia để cứu trợ, cứu nạn, hỗ trợ, viện trợ quốc tế hoặc đáp ứng các yêu cầu đột xuất, cấp bách khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền, đảm bảo kịp thời, đầy đủ số lượng, chất lượng và hiệu quả.

6. Thực hiện công tác quản lý, bảo quản hàng dự trữ quốc gia; quản lý chất lượng hàng dự trữ quốc gia theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; quản lý và tổ chức thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện công tác bảo vệ, bảo mật, phòng chống cháy, nổ, bão lụt, đảm bảo an toàn hàng dự trữ quốc gia theo quy định của Nhà nước và Tổng cục Dự trữ Nhà nước.

8. Tổ chức quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản và các nguồn lực được giao; quản lý tài chính, giá, phí, hạch toán kế toán, kiểm tra nội bộ, quyết toán theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện công tác đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa hệ thống kho dự trữ, cơ sở vật chất kỹ thuật theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Bộ Tài chính và Tổng cục Dự trữ Nhà nước.

10. Triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ; thực hiện hiện đại hoá công tác quản lý và bảo quản hàng dự trữ quốc gia theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện cải cách hành chính trong hoạt động nhập, xuất, mua, bán hàng dự trữ quốc gia.

11. Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin; tổ chức thực hiện công tác thống kê và chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định của pháp luật và yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

12. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ, thi đua khen thưởng, kỷ luật, đào tạo bồi dưỡng đối với công chức, người lao động của đơn vị theo quy định của Nhà nước và phân cấp quản lý của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước.

13. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về dự trữ quốc gia, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân chấp hành pháp luật dự trữ quốc gia trong quá trình tiếp nhận, quản lý, sử dụng hàng dự trữ quốc gia theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Tổng kết thực tiễn, kiến nghị và tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, quy chế, quy định về quản lý dự trữ quốc gia.

14. Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo địa bàn được phân công và phối hợp với các cơ quan chuyên môn liên quan tại địa phương trong việc triển khai quy hoạch, kế hoạch mua, bán, nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia.

15. Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước khu vực được ban hành các quy định, quy chế quản lý đơn vị, ban hành quyết định cá biệt theo thẩm quyền; được ký văn bản hướng dẫn, giải thích, trả lời các vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc các văn bản được Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước uỷ quyền theo quy định của pháp luật.

16. Được liên hệ, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao.

17. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Các tổ chức giúp việc Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước khu vực, gồm:

- a) Phòng Kế hoạch và Quản lý hàng dự trữ;
- b) Phòng Kỹ thuật bảo quản;
- c) Phòng Tài chính kế toán;
- d) Phòng Tổ chức - Hành chính;
- đ) Phòng Thanh tra - Kiểm tra.

Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Phòng thuộc Cục Dự trữ Nhà nước khu vực.

2. Các Chi cục Dự trữ Nhà nước thuộc Cục Dự trữ Nhà nước khu vực.

Chi cục Dự trữ Nhà nước có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Dự trữ Nhà nước.

3. Việc thành lập, giải thể, chia tách, sáp nhập các Phòng, Chi cục Dự trữ Nhà nước do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.

Điều 4. Lãnh đạo Cục Dự trữ Nhà nước khu vực

1. Cục Dự trữ Nhà nước khu vực có Cục trưởng và một số Phó Cục trưởng.

Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước khu vực chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Cục Dự trữ Nhà nước khu vực.

Phó Cục trưởng chịu trách nhiệm trước Cục trưởng và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công phụ trách.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức Cục trưởng, Phó Cục trưởng và các chức danh lãnh đạo khác thuộc Cục Dự trữ Nhà nước khu vực thực hiện theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý công chức của Bộ Tài chính.

Điều 5. Biên chế và kinh phí

1. Biên chế của Cục Dự trữ Nhà nước khu vực do Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước quyết định trong tổng biên chế được giao của Tổng cục Dự trữ Nhà nước.

2. Kinh phí hoạt động của Cục Dự trữ Nhà nước khu vực được cấp từ nguồn kinh phí của Tổng cục Dự trữ Nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2446/QĐ-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Dự trữ Nhà nước khu vực trực thuộc Tổng cục Dự trữ Nhà nước.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước khu vực, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tổng cục Dự trữ Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Tài chính, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công TTĐT Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TCCB. (170 b)



Đinh Tiến Dũng